

Số: **115** /GPMT-STNMT

Bình Dương, ngày **18** tháng **8** năm 2023

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 11/2022/QĐ-UBND ngày 18 tháng 4 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương ban hành Quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương;

Căn cứ Quyết định số 975/QĐ-UBND ngày 26 tháng 4 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định, phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản và cấp giấy phép môi trường đối với các dự án thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh;

Xét Văn bản đề nghị cấp Giấy phép môi trường của Công ty TNHH Bệnh viện Đa Khoa Phương Chi số 163/CV-PCGH ngày 07 tháng 8 năm 2023 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Chi cục trưởng Chi cục Bảo vệ môi trường tại Tờ trình số 3545/TTr-CCBVMT ngày 18 tháng 8 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH Bệnh viện đa khoa Phương Chi (địa chỉ tại thửa đất số 172, tờ bản đồ DHC 20-6, đường DX76, Khu phố 2, phường Định Hòa, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương) được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của “Bệnh viện đa khoa Phương Chi” tại thửa đất số 172, tờ bản đồ DHC 20-6, Đường DX76, Khu phố 2, phường Định Hòa, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở:

1.1. Tên cơ sở: Bệnh viện đa khoa Phương Chi.

1.2. Địa điểm hoạt động: Thửa đất số 172, tờ bản đồ DHC 20-6, Đường DX76, Khu phố 2, phường Định Hòa, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn mã số doanh nghiệp 3701652270 ngày 02/12/2009 đăng ký lần đầu; đăng ký thay đổi lần thứ 05 ngày 18/12/2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Bình Dương cấp.

1.4. Mã số thuế: 3701652270

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Khám bệnh, chữa bệnh.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án:

1.6.1 Phạm vi: Tổng diện tích mặt đất sử dụng theo hiện trạng tại thời điểm cấp giấy phép môi trường là 13.674,4 m², trong đó

- + Đất xây dựng công trình: 3.912,4 m².
- + Đất đường giao thông nội bộ – sân bãi: 4.960,89 m².
- + Đất cây xanh, trồng cỏ – hồ cảnh quan: 4.801,11 m².

1.6.2. Quy mô:

- Bệnh viện có tiêu chí như dự án đầu tư nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định pháp luật về đầu tư công).

- Bệnh viện có tiêu chí về môi trường như dự án đầu tư nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

1.6.3. Công suất: Bệnh viện đa khoa, quy mô 300 giường

- Quy trình khám chữa bệnh:

+ Quy trình khám bệnh: Người bệnh => Các thủ tục cho khám bệnh => Chờ khám bệnh theo thứ tự => Khám bệnh => Xét nghiệm cận lâm sàng => Kê toa thuốc/Nhập viện/Chuyên viện.

+ Quy trình xét nghiệm cận lâm sàng: Các thủ tục cho khám bệnh => Khám bệnh tại các khoa cận lâm sàng => Thực hiện các xét nghiệm => Nhận kết quả và chỉ định điều trị.

+ Quy trình điều trị bệnh nội trú: Các thủ tục cho khám bệnh => Thực hiện các thủ tục nhập viện => Khám, theo dõi và điều trị bệnh => Sức khỏe ổn định, làm thủ tục xuất viện.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.



2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Bệnh viện đa khoa Phương Chi:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH Bệnh viện đa khoa Phương Chi có trách nhiệm:

2.1. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải, bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật; chịu trách nhiệm trước pháp luật khi nước thải, khí thải không được xử lý đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.2. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.3. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình thu gom, đầu nối nước thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.4. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến Sở Tài nguyên và Môi trường.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: **10 năm** (từ ngày 18 tháng 8.. năm 2023 đến ngày 18.. tháng 8....năm 2033).

Điều 4. Giao Chi cục Bảo vệ môi trường, Thanh tra Sở tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Bệnh viện đa khoa Phương Chi tại thửa đất số 172, tờ bản đồ DHC 20-6, Đường DX76, Khu phố 2, phường Định Hòa, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương của Công ty TNHH Bệnh viện đa khoa Phương Chi, theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Công ty TNHH Bệnh viện đa khoa Phương Chi;
- Sở Y tế tỉnh Bình Dương;
- UBND thành phố Thủ Dầu Một;
- Thanh tra Sở;
- UBND phường Định Hòa;
- Cổng Thông tin điện tử Sở TNMT;
- Lưu: VT, CCBVMT, ThHa4.



GIÁM ĐỐC

Ngô Quang Sự

Phụ lục 1**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số **113** /GPMT-STNMT ngày **18** tháng **8** năm 2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:**1. Nguồn phát sinh nước thải:**

+ Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt từ 17 nhà vệ sinh và từ quá trình lau rửa sàn, lavabo, lưu lượng khoảng 170 m³/ngày.

+ Nguồn số 02: Nước thải căn tin từ quá trình nấu ăn, lưu lượng khoảng 10 m³/ngày.

+ Nguồn số 03: Nước thải y tế từ hoạt động khám, chữa bệnh của bệnh viện (bao gồm cả nước thải từ hoạt động giặt), lưu lượng khoảng 20 m³/ngày.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Hệ thống thoát nước chung trên đường DX 76 => Hệ thống thoát nước chung trên đường Trần Ngọc Lên => suối Bưng Cầu (suối Mắc Mèo) => sông Sài Gòn (đã được Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Dầu Một chấp thuận đău nối vào hệ thống thoát nước chung trên đường DX 76 tại Văn bản số 398/UBND-KT ngày 02 tháng 02 năm 2010).

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Một điểm tại Hệ thống thoát nước chung trên đường DX 76 thuộc phường Định Hòa, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương tại tọa độ vị trí xả nước thải: X = 1.219.081; Y = 598.248 (theo hệ tọa độ VN 2.000, kinh tuyến trực 105⁰45', múi chiều 3⁰)

- Điểm xả nước thải sau xử lý có biển báo, ký hiệu rõ ràng, thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát xả thải theo quy định tại điểm đ Khoản 1 Điều 87 Luật Bảo vệ môi trường.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 200 m³/ngày đêm (24 giờ).**2.3.1. Phương thức xả nước thải:**

- Nước thải sau xử lý (đạt quy chuẩn QCVN 28:2010/BTNMT, cột A, hệ số K=1) => Đău nối vào hố ga thoát nước trên đường DX 76 => Hệ thống thoát nước chung trên đường DX 76 => Hệ thống thoát nước chung trên đường Trần Ngọc Lên => suối Bưng Cầu (suối Mắc Mèo) => sông Sài Gòn (cách dự án 06 km).

- Phương thức xả thải: tự chảy.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Liên tục 24 giờ/ngày.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế QCVN 28:2010/BTNMT (cột A; K = 1), cụ thể như sau:

Stt	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	6,5 - 8,5	Không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải định kỳ theo quy định tại khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP	Không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải tự động, liên tục theo quy định tại khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP
2	BOD ₅ (20 ⁰ C)	mg/l	30		
3	COD	mg/l	50		
4	TSS	mg/l	50		
5	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	1,0		
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	5		
7	Nitrat (tính theo N)	mg/l	30		
8	Phosphat (tính theo P)	mg/l	6		
9	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	10		
10	Tổng hoạt độ phóng xạ α	Bq/l	0,1		
11	Tổng hoạt độ phóng xạ β	Bq/l	1,0		
12	Tổng coliforms	MPN/100ml	3000		
13	Salmonella	MPN/100ml	KPH		
14	Shigella	Vi khuẩn/100ml	KPH		
15	Vibrio cholerae	Vi khuẩn/100ml	KPH		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, ĐÁU NỒI NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt từ nhà vệ sinh, lau rửa sàn, lavabo được dẫn về bể tự hoại và đầu nối về hố ga thoát nước chung bằng tuyến ống PVC D114mm, sau đó dẫn về Trạm xử lý nước thải bằng tuyến ống PVC đường kính D200mm.

- Nguồn số 02: Nước thải căn tin từ quá trình nấu ăn được dẫn về bể tách dầu mỡ 3 ngăn và đầu nối về hố ga thoát nước chung bằng tuyến ống PVC D114mm, sau

đó dẫn về Trạm xử lý nước thải bằng tuyến ống PVC đường kính D200mm.

- Nguồn số 03: Nước thải y tế từ hoạt động khám, chữa bệnh của bệnh viện (bao gồm cả nước thải từ hoạt động giặt) được đưa nổi về hố ga thoát nước chung bằng tuyến ống PVC D114mm, sau đó dẫn về Trạm xử lý nước thải bằng tuyến ống PVC đường kính D200mm.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Tóm tắt quy trình xử lý nước thải: Nước thải (Nước thải từ khu nhà vệ sinh, nước thải căn tin, nước thải y tế, nước thải lavabo) => Hố thu gom nước thải => Bể điều hòa => Bể kỵ khí => Bể xử lý sinh học thiếu khí => Bể xử lý sinh học hiếu khí => Bể lắng => Bể trung gian => Bồn lọc áp lực => Bể khử trùng => Hệ thống thoát nước chung trên đường DX 76 => Hệ thống thoát nước chung trên đường Trần Ngọc Lên => suối Bưng Cầu (suối Mắc Mèo) => sông Sài Gòn.

- Công suất thiết kế: 200 m³/ngày.
- Chế độ vận hành: Liên tục (24 giờ/ngày).
- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Men vi sinh dạng lỏng xử lý nước thải loại Microbe – lift; Soda; Xút; Mật rỉ đường; Chlorine.

1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Đối với sự cố hỏng về điện hoặc do thiết bị, máy móc của hệ thống bị hư: Vận hành và bảo trì các máy móc thiết bị trong hệ thống thường xuyên theo đúng hướng dẫn kỹ thuật nhà cung cấp; lập hồ sơ giám sát kỹ thuật các công trình đơn vị để theo dõi sự ổn định của hệ thống, đồng thời tạo cơ sở để phát hiện sự cố một cách sớm nhất, nhằm sửa chữa kịp thời trong trường hợp xảy ra sự cố, tránh ảnh hưởng đến việc vận hành của hệ thống.

- Đối với sự cố do thao tác vận hành xử lý không đúng cách: Điều chỉnh lượng khí, nhu cầu dinh dưỡng, hóa chất do thao tác vận hành xử lý không đúng cách; đảm bảo vận hành hệ thống theo đúng quy trình đã được hướng dẫn; lấy mẫu và phân tích chất lượng mẫu nước sau xử lý nhằm đánh giá hiệu quả hoạt động của hệ thống xử lý.

- Khi hệ thống xử lý nước thải không đạt quy chuẩn cho phép trước khi thải ra môi trường: Thiết kế đường ống và bơm để tuần hoàn nước thải về lại bể điều hòa, trong trường hợp bể điều hòa không đảm bảo, tiến hành lưu chứa tại các bể xử lý khác để tăng thời gian; tăng cường công suất máy thổi khí của bể hiếu khí khi có sự cố; chuẩn bị men vi sinh dự phòng cho bể thiếu khí. Sau khi khắc phục xong sự cố, nước thải được tiếp tục xử lý đảm bảo đạt quy chuẩn kỹ thuật về môi trường nước trước khi xả ra môi trường tiếp nhận.

- Thực hiện kiểm tra, giám sát hệ thống thu gom nước thải, thoát nước thải sau xử lý để phòng ngừa tình trạng tắc nghẽn hệ thống.

✓

- Trường hợp vượt quá khả năng ứng phó phải báo ngay cho cơ quan có chức năng về môi trường các sự cố để được hỗ trợ về kỹ thuật và có biện pháp khắc phục kịp thời.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Thời gian vận hành thử nghiệm là 01 tháng (*Bắt đầu sau 20 ngày kể từ ngày Giấy phép môi trường có hiệu lực*).

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm:

Công trình xử lý nước thải công suất 200 m³/ngày.đêm.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu:

- Nước thải đầu vào của công trình xử lý nước thải tập trung công suất 200 m³/ngày.đêm.

- Nước thải sau xử lý của công trình xử lý nước thải tập trung công suất 200 m³/ngày.đêm.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: theo nội dung mục 2.3.3 phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu: (*Trong giai đoạn vận hành ổn định của công trình xử lý nước thải*)

- Thời gian đánh giá: 03 ngày liên tiếp sau giai đoạn điều chỉnh (*giai đoạn điều chỉnh do Công ty tự xem xét trong quá trình vận hành thử nghiệm của hệ thống xử lý nước thải*).

- Loại mẫu: mẫu đơn.

- Tần suất quan trắc: 01 ngày/lần (đo đạc, lấy và phân tích mẫu đơn đối với 01 mẫu nước thải đầu vào tại bể điều hòa của hệ thống xử lý nước thải và 03 mẫu nước thải đầu ra sau hệ thống xử lý nước thải).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh của dự án, bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

3.3. Tổng hợp, đánh giá số liệu quan trắc nước thải, phân định chất thải và lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải, gửi Sở Tài nguyên

và Môi trường trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải.

3.4. Bảo đảm bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải. Việc vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung phải có nhật ký vận hành ghi chép đầy đủ các thông tin liên quan: lưu lượng (đầu vào, đầu ra), các thông số đặc trưng của nước thải đầu vào và đầu ra (nếu có); lượng điện tiêu thụ; loại và lượng hóa chất sử dụng, bùn thải phát sinh; nhật ký vận hành viết bằng tiếng Việt và lưu giữ tối thiểu 02 năm.

3.5. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục, không được phép xả nước thải chưa được xử lý đạt quy chuẩn quy định ra môi trường.

Phụ lục 2**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 113 /GPMT-STNMT ngày 18 tháng 9 năm 2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:

1. Nguồn phát sinh khí thải: Khí thải (*mùi hôi*) phát sinh từ các hạng mục của công trình xử lý nước thải (hồ thu gom, bể điều hòa, bể kỵ khí, bể xử lý sinh học thiếu khí, bể xử lý sinh học hiếu khí có giá thể cố định, bể chứa bùn).

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:

2.1. Vị trí xả khí thải: tại ống xả thải của hệ thống xử lý khí thải (*mùi hôi*) phát sinh từ công trình xử lý nước thải. Tọa độ vị trí xả khí thải: X = 1.219.092; Y = 598.276 (Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}45'$, múi chiếu 3°).

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 1.000 m³/giờ.

2.2.1. Phương thức xả khí thải: liên tục (24/24 giờ).

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 19:2009/BTNMT (cột B, $K_p = 1,0$; $K_v = 0,8$) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ và QCVN 20:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ trước khi xả ra môi trường, cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	H ₂ S	mg/Nm ³	6	Không thuộc đối tượng quan trắc khí thải định kỳ theo khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP	Không thuộc đối tượng quan trắc khí thải tự động theo khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP
2	NH ₃	mg/Nm ³	40		
3	CH ₃ SH	mg/Nm ³	15		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:**1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải:****1.1. Mạng lưới thu gom khí thải để đưa về hệ thống xử lý:**

Khí thải (*mùi hôi*) phát sinh từ hồ thu gom, bể điều hòa, bể kỵ khí, bể xử lý sinh học thiếu khí, bể xử lý sinh học hiếu khí có giá thể cố định, bể chứa bùn của hệ thống xử lý nước thải được thu bằng quạt hút cao áp (công suất 1.000 m³/giờ) qua các đường ống dẫn (uPVC D114mm; D140mm) về tháp hấp phụ bằng vật liệu than hoạt tính để xử lý.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Khí thải (*mùi hôi*) → Hệ thống ống dẫn → Quạt hút (*lưu lượng 1.000 m³/giờ*) → Tách ẩm → Tháp hấp phụ bằng than hoạt tính (*Tháp hình trụ, D = 0,7m, chiều cao 2,0m*) → Ống phát thải (*Ống uPVC D140mm, chiều cao 18m*).

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Than hoạt tính với khối lượng 2.400 kg/năm, tần suất thay than 01 tháng/lần.

1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Thường xuyên theo dõi hoạt động và thực hiện bảo dưỡng định kỳ thiết bị xử lý khí thải; dự phòng thiết bị thay thế khi thiết bị xử lý khí thải hỏng hóc.

- Trường hợp các thông số ô nhiễm trong khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường trước khi xả thải, cán bộ vận hành tiến hành kiểm tra tháp hấp phụ, quạt hút theo quy trình vận hành hệ thống, kiểm tra toàn bộ hệ thống để tìm kiếm nguyên nhân và phạm vi sự cố để tiến hành xử lý.

- Trường hợp công trình, thiết bị xử lý khí thải gặp sự cố, phải thay thế, sửa chữa kịp thời.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Thời gian vận hành thử nghiệm là 01 tháng (*Bắt đầu sau 20 ngày kể từ ngày Giấy phép môi trường có hiệu lực*).

2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm:

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: tại ống xả thải của hệ thống xử lý khí thải (*mùi hôi*).

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: theo nội dung Mục 2.2.2 phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu:

- Thời gian đánh giá trong giai đoạn vận hành ổn định của hệ thống xử lý khí thải (*mùi hôi*) phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải: 03 ngày liên tiếp.

- Loại mẫu: mẫu đơn.

- Tần suất quan trắc: 1 ngày/lần (*đo đạc, lấy và phân tích mẫu đơn đối với 01 mẫu tại ống xả thải của hệ thống xử lý khí thải (mùi hôi) phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải*).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý khí thải (*mùi hôi*) phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục 2.2.2 Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý khí thải (*mùi hôi*). Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7

và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

3.3. Tổng hợp, đánh giá số liệu quan trắc khí thải (mùi hôi); phân định chất thải và lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý khí thải, gửi Sở Tài nguyên và Môi trường trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc vận hành thử nghiệm công trình xử lý khí thải.

3.4. Bảo đảm bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả công trình thu gom, xử lý khí thải (mùi hôi). Việc vận hành công trình xử lý bụi, khí thải phải có nhật ký vận hành ghi chép đầy đủ các thông tin liên quan; nhật ký vận hành viết bằng tiếng Việt và lưu giữ tối thiểu 02 năm.

3.5. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu của quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục 2.2.2 Phần A phụ lục này.

h

Phụ lục 3**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 113 /GPMT-STNMT ngày 18 tháng 8 năm 2022
của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:**

- Nguồn số 01: Khu vực máy phát điện dự phòng.
- Nguồn số 02: Máy móc thiết bị vận hành trạm xử lý nước thải.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Tọa độ X = 1.219.085; Y = 598.308;
- Nguồn số 02: Tọa độ X = 1.219.092; Y = 598.274.

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}45'$, múi chiều 3°)

3. Tiếng ồn, độ rung:

Phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:**1. Biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:**

- Thường xuyên bảo dưỡng máy móc thiết bị đảm bảo động cơ hoạt động ổn định; máy phát điện dự phòng, máy thổi khí được kê bằng tấm đệm cao su để giảm tiếng ồn.

- Trồng cây xanh xung quanh khu vực bệnh viện để hạn chế tiếng ồn và điều hòa không khí trong khu vực bệnh viện.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Mục 3 Phần A Phụ lục này.

2.2. Các điều kiện liên quan đến bảo vệ môi trường kèm theo (nếu có).

2.3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác (nếu có).



✓

Phụ lục 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA
VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 113 /GPMT-STNMT ngày 18 tháng 8 năm 2023
của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

Stt	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã chất thải	Ký hiệu phân loại	Khối lượng (kg/năm)
1	Chất thải lây nhiễm (bao gồm cả chất thải sắc nhọn)	Rắn/Lỏng	13 01 01	NH	2.500
2	Chất hàn răng amalgam thải bỏ	Rắn	13 01 04	NH	20
3	Các thiết bị vỡ, hỏng, đã qua sử dụng có chứa thủy ngân (như nhiệt kế)	Rắn	13 03 02	NH	100
4	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	Rắn	16 01 06	NH	100
5	Các loại dầu mỡ thải	Rắn/Lỏng	16 01 08	NH	150
6	Pin, ắc quy chì thải	Rắn	16 01 12	NH	40
7	Các thiết bị, linh kiện điện tử thải hoặc các thiết bị điện có các linh kiện điện tử	Rắn	16 01 13	NH	100
8	Bao bì mềm thải	Rắn	18 01 01	NH	400
9	Than hoạt tính từ quá trình xử lý mùi hôi	Rắn	08 02 04	NH	2.500
10	Hộp chứa mực in thải	Rắn	08 02 04	KS	150
11	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải	Bùn	12 06 05	KS	3.000
12	Hoá chất thải bao gồm hoặc	Rắn/Lỏng	13 01 02	KS	100



✓

	có các thành phần nguy hại				
13	Bao bì cứng thải	Rắn	18 01 04	KS	150
TỔNG KHỐI LƯỢNG					9.310

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh thường xuyên:

Stt	Tên chất thải	Mã CTNH	Khối lượng (kg/năm)
1	Chất thải thông thường từ hoạt động khám chữa bệnh		
-	Chất thải không yêu cầu thu gom, xử lý đặc biệt để ngăn ngừa lây nhiễm (Giấy đã qua sử dụng; thùng carton; Vỏ chai, lọ, túi đựng thuốc hoặc hoá chất; dụng cụ dính thuốc hoặc hoá chất không thuộc nhóm gây độc tế bào hoặc không có cảnh báo nguy hại trên bao bì từ nhà sản xuất)	13 01 05	2.160
-	Hoá chất thải không chứa thành phần nguy hại	13 01 06	50
-	Dược phẩm không có thành phần gây độc đối với tế bào	13 01 07	50
2	Bùn thải nạo vét từ cống thoát nước thải, nước mưa	12 06 10	1.200
TỔNG KHỐI LƯỢNG			3.460

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

Stt	Tên chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Chất thải rắn sinh hoạt	109.500
	Tổng cộng	109.500

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa:

Trang bị các thùng chứa chất thải tại các khu, phòng khám, điều trị bệnh nhân, định kỳ hàng ngày vận chuyển đến kho lưu trữ và lưu chứa trong 13 thùng chứa loại

240 lít có nắp đậy, dán nhãn, mã chất thải nguy hại để lưu chứa từng loại chất thải nguy hại tại kho. Đối với bùn thải có các thành phần nguy hại từ các quá trình xử lý nước thải được lưu chứa tại ngăn tách bùn của hệ thống xử lý nước thải.

2.1.2. Kho lưu chứa:

- Diện tích khu lưu chứa chất thải: 5,5 m².

- Thiết kế, cấu tạo của kho: Vách gạch bao xung quanh; có trang bị máy lạnh công suất 1 hp; nền bê tông chống thấm, đảm bảo kín khít, không bị thấm thấu; có nền cao hơn mặt bằng xung quanh, đảm bảo ngăn nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào; đảm bảo không chảy tràn chất thải lỏng ra bên ngoài khi có sự cố rò rỉ, đổ tràn; có mái tôn che kín nắng, mưa; cửa khóa, biển cảnh báo (*kích thước mỗi chiều tối thiểu 30cm*); trang bị đầy đủ thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy; có vật liệu hấp thụ (*như cát khô*)... theo quy định.

- Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn thông thường:

2.2.1. Thiết bị lưu chứa:

Trang bị các thùng chứa chất thải tại các khu, phòng khám, điều trị bệnh nhân, định kỳ hàng ngày vận chuyển đến kho lưu trữ và lưu chứa trong 08 thùng chứa loại 120-240 lít có nắp đậy, dán nhãn để thu gom và bảo quản từng loại chất thải rắn thông thường.

2.2.2. Kho lưu chứa:

- Diện tích khu lưu chứa chất thải: 13 m².

- Thiết kế, cấu tạo của kho: Vách gạch bao xung quanh; nền bê tông chống thấm, đảm bảo kín khít, không bị thấm thấu; có nền cao hơn mặt bằng xung quanh, đảm bảo ngăn nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào; đảm bảo không chảy tràn chất thải lỏng ra bên ngoài khi có sự cố rò rỉ, đổ tràn; có mái tôn che kín nắng, mưa; cửa khóa, biển cảnh báo (*kích thước mỗi chiều tối thiểu 30cm*); trang bị đầy đủ thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy; có vật liệu hấp thụ (*như cát khô hoặc mùn cưa*)... theo quy định.

- Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải sinh hoạt:

2.3.1. Thiết bị lưu chứa:

Trang bị các thùng chứa chất thải tại đặt tại khu vực nhà vệ sinh, văn phòng làm việc, nhà bảo vệ,..., định kỳ hàng ngày vận chuyển đến kho lưu trữ và lưu chứa trong 12 thùng chứa loại 90-120 lít có nắp đậy.

2.2.2. Kho lưu chứa:

- Diện tích khu lưu chứa chất thải: 11 m².

- Thiết kế, cấu tạo của kho: Vách gạch bao xung quanh; nền bê tông chống thấm, đảm bảo kín khít, không bị thấm thấu; có nền cao hơn mặt bằng xung quanh, đảm bảo ngăn nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào; đảm bảo không chảy tràn chất thải lỏng ra bên ngoài khi có sự cố rò rỉ, đổ tràn; có mái tôn che kín nắng, mưa; cửa khóa, biển cảnh báo (*kích thước mỗi chiều tối thiểu 30cm*); trang bị đầy đủ thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy; có vật liệu hấp thụ (*như cát khô hoặc mùn cưa*)... theo quy định.

- Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường 2020.

3. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa ứng phó sự cố môi trường của cơ sở theo quy định tại Khoản 4 Điều 124 của Luật Bảo vệ môi trường 2020 và có trách nhiệm công khai kế hoạch ứng phó sự cố môi trường của cơ sở; gửi kế hoạch ứng phó sự cố môi trường tới Ủy ban nhân dân phường Định Hòa và Ban chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố Thủ Dầu Một theo quy định tại Khoản 3 Điều 110 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ; đồng thời, có trách nhiệm thông báo cho Ủy ban nhân dân phường Định Hòa về nguy cơ sự cố môi trường và biện pháp ứng phó sự cố môi trường để thông tin cho tổ chức, cá nhân, cộng đồng dân cư xung quanh theo quy định tại Khoản 2 Điều 129 của Luật Bảo vệ môi trường 2020.

4. Có trách nhiệm tổ chức ứng phó sự cố môi trường trong phạm vi cơ sở; trường hợp vượt quá khả năng ứng phó, phải kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân phường Định Hòa và Ban chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn Thành phố Thủ Dầu Một để phối hợp ứng phó theo quy định tại điểm a Khoản 4 Điều 125 của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

Phụ lục 5
CÁC YÊU CẦU VỀ KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 113 /GPMT-STNMT ngày 18 tháng 8 năm 2023
của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương)

1. Tuân thủ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.
2. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường.
3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong giấy phép môi trường. Trường hợp có thay đổi so với nội dung giấy phép đã được cấp, phải báo cáo cơ quan cấp giấy phép xem xét, giải quyết.
4. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.
5. Tuân thủ các quy định về an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp; an toàn lao động phòng chống cháy nổ và các quy phạm kỹ thuật, quy định khác có liên quan; bố trí nhân sự thực hiện công tác quản lý và bảo vệ môi trường trong quá trình thực hiện dự án.
6. Thực hiện vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải theo quy định tại Điều 31, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.
7. Thực hiện trách nhiệm của chủ nguồn thải chất thải rắn thông thường, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại, chất thải y tế, lây nhiễm theo đúng quy định của pháp luật; hợp đồng đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.
8. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai Giấy phép môi trường, thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật; thực hiện trách nhiệm mua bảo hiểm trách nhiệm bồi thường thiệt hại do sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.
9. Đền bù và khắc phục ô nhiễm môi trường trong trường hợp sự cố về môi trường xảy ra do triển khai và vận hành dự án.
10. Thực hiện các trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật.